

HIỆU QUẢ MÔ HÌNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT THEO NHU CẦU NGƯỜI HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Đào Thị Phương Chi⁽¹⁾

Tóm tắt:

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã triển khai mô hình Giáo dục thể chất (GDTC) theo nhu cầu người học cho sinh viên không chuyên ngành GDTC. Nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả ứng dụng mô hình trong thực tiễn đào tạo thông qua trình độ thể lực, kết quả học tập môn GDTC của sinh viên sau khi kết thúc chương trình và số lượng sinh viên lựa chọn mô hình GDTC tự chọn.

Từ khóa: mô hình GDTC theo nhu cầu, sinh viên, Trường ĐHTĐHN.

Effectiveness of the model of physical education according to the needs of learners at Hanoi Capital University

Summary:

Hanoi Capital University has implemented a model of Physical Education (PE) according to learners needs for students who are not majoring in Physical Education. The study aims to evaluate the effectiveness of the application of the model in training practice through the physical fitness level, the learning outcomes of students in PE after finishing the program and the number of students who choose the elective PE model.

Keywords: model of physical education on demand, students, Hanoi Capital University

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội (ĐHTĐHN) được thành lập năm 2014 (tiền thân là Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội) với quy mô đào tạo đa ngành nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong giai đoạn mới. Bên cạnh ngành đào tạo truyền thống là Sư phạm, hiện Nhà trường còn tập trung tuyển sinh các khối ngành có nhu cầu nhân lực cao, được nhiều thí sinh lựa chọn với số lượng khoảng 2000 sinh viên (SV) mỗi năm. Việc tăng quy mô và loại hình đào tạo là cơ hội và thách thức không nhỏ đến việc triển khai công tác GDTC cho SV.

Công tác đổi mới giáo dục đào tạo luôn được nhà trường đặc biệt chú trọng, thể hiện trong quy định về quản lý hệ thống chất lượng đào tạo với triết lý giáo dục hướng đến là: “SV có lối sống đẹp, học vấn rộng, chuyên môn sâu, kỹ năng cao, thành đạt sớm, đề cao giá trị cốt lõi là uy tín và chất lượng, đổi mới và sáng tạo, tận tâm và tôn trọng, trách nhiệm và tự hoàn thiện, gắn kết cộng đồng”. Đa phần SV đã nhận thức được vai trò của việc rèn luyện thể chất đối với sự phát triển toàn diện của bản thân để chuẩn bị sẵn sàng gia nhập lực lượng lao động xã hội.

Trong chương trình đào tạo, GDTC không chỉ là một học phần bắt buộc mà còn là hoạt

động ngoại khóa quan trọng của tuổi trẻ học đường, là phương tiện để nâng cao sức khỏe, giáo dục ý thức đạo đức nghề nghiệp. Trong xu hướng đổi mới đào tạo đại học nhằm phát huy năng lực của người học, đào tạo theo nhu cầu xã hội, GDTC trong trường đã được chỉ đạo theo hướng tự chọn, nhằm tối ưu hóa hoạt động chuyên môn, phong phú về nội dung và hình thức học tập. Thực hiện nhiệm vụ được giao trong bối cảnh mới, Khoa Khoa học Thể thao và Sức khỏe Trường ĐHTĐHN đã triển khai đề án GDTC theo nhu cầu người học và đã nhận được sự hưởng ứng cao của giảng viên và SV. Tuy nhiên để phát triển mô hình, rất cần có sự đánh giá khách quan và điều chỉnh hợp lý.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đề tài sử dụng các phương pháp: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Quan sát sư phạm; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp kiểm tra sư phạm; Phương pháp thực nghiệm sư phạm; Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng một số yếu tố đảm bảo và đặc điểm các mô hình GDTC không chuyên tại Trường ĐHTĐHN

Thực trạng cá yếu tố cơ bản đảm bảo hoạt động đào tạo GDTC:

⁽¹⁾ThS, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội; Email: phuongchi26@gmail.com

Hiện tại (2020), tổng số giảng viên cơ hữu là 16 người, đạt tỷ lệ 1 giảng viên/375 SV, đáp ứng 75% so với quy định của Bộ GD&ĐT. Tất cả giảng viên được đào tạo tại các trường Đại học TĐTT, có trình độ thạc sỹ trở lên, trong đó có 2 tiến sỹ GDTC (chiếm 12.50%); 03 nghiên cứu sinh GDTC (chiếm 18.75%). Số giảng viên có thâm niên giảng dạy trên 10 năm là 10 người (62.5%), 6 người dưới 10 năm (37.5%). Phần lớn giảng viên đã tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn các môn thể thao như: Bóng đá, Cầu mây, Đá cầu, Bóng chuyền, Cầu lông, Cờ... do các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia tổ chức. Tuy nhiên, với yêu cầu không ngừng tăng cường quy mô đào tạo, cải tiến nội dung và chương trình giảng dạy của nhà trường thì việc bổ sung số lượng cũng như nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên GDTC cần phải được chú trọng hơn nữa. Hơn lúc nào hết, khoa và trường đang tập trung vào việc chuẩn bị đội ngũ giảng viên để triển khai tốt công tác đào tạo GDTC theo nhu cầu dưới các hình thức như bồi dưỡng nâng cao trình độ giảng viên hiện có, tuyển dụng giảng viên mới có chuyên môn phù hợp mô hình đào tạo, mời thỉnh giảng...

Cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ tập luyện của nhà trường phục vụ cho công tác giảng dạy học tập nội khoá và ngoại khoá hiện còn rất thiếu về số lượng, chủng loại và kém về chất lượng, phân bố rải rác ở cả 3 cơ sở (nội và ngoại thành), chưa đáp ứng việc nâng cao chất lượng giảng dạy, tập luyện theo nhu cầu của SV. Để đảm bảo yêu cầu, nhà trường đang khẩn trương xin phê duyệt và triển khai đề án xây dựng các công trình TĐTT

hiện đại, đồng bộ. Trong thời gian vừa qua, để đáp ứng đào tạo GDTC theo nhu cầu cho SV, nhà trường đã tạm thời liên kết với các cơ sở có sân bãi, phòng tập đủ tiêu chuẩn, tăng cường thực tế chuyên môn, khuyến khích thành lập các câu lạc bộ TĐTT...

Đặc điểm các mô hình GDTC không chuyên tại Trường ĐHTĐHN:

Thực hiện Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015, từ năm học 2017-2018, trên tinh thần “Tất cả vì người học”, nhà trường thực hiện và tiến hành đồng thời cả hai mô hình một và hai (mô hình GDTC theo nhu cầu người học) để tạo điều kiện cho SV phát huy tối đa năng lực thể chất của bản thân. Nội dung chương trình được trình bày ở bảng 1 và 2 dưới đây.

Chương trình có thời lượng là 3 tín chỉ (90 tiết), nội dung gồm 3 học phần, giảng dạy trong 3 học kỳ. Phần lý thuyết có thể tách riêng thành 1 tín chỉ (15 tiết), hoặc lồng ghép với phần thực hành. Phần thực hành có thời lượng tối thiểu 75 tiết, nội dung gồm các môn bắt buộc (Điền kinh, Thể dục) và tự chọn là 2 trong 6 môn thể thao.

Chương trình có thời lượng là 3 tín chỉ (90 tiết), nội dung chỉ có phần tự chọn, giảng dạy trong 3 học kỳ. Phần lý thuyết có thể tách riêng thành 1 tín chỉ (15 tiết), hoặc lồng ghép với phần thực hành. Phần thực hành có thời lượng tối thiểu 75 tiết, nội dung là tự chọn 1 trong 16 môn thể thao. Việc triển khai giảng dạy đa dạng và chuyên sâu các môn thể thao vừa phù hợp với nhu cầu của giới trẻ, vừa thuận tiện, hiệu quả trong khâu tổ chức, vừa phát huy các loại hình hoạt động thể chất đa dạng, phong phú của

Bảng 1. Phân phối chương trình GDTC theo mô hình thứ nhất

Học phần	Nội dung	Thời gian (tiết)	Hình thức
1	1. Kiến thức cơ bản	30	Nội dung bắt buộc
	2. Đội hình đội ngũ		
	3. Bài thể dục tay không liên hoàn 32 động tác		
	4. Nhảy dây		
	5. Bài thể dục với gậy 32 nhịp		
2	1. Taekwondo	30	SV chọn 1 trong 3 nội dung
	2. Dancesport		
	3. Bóng rổ		
3	1. Bóng chuyền	30	SV chọn 1 trong 3 nội dung
	2. Bóng bàn		
	3. Cầu lông		

Bảng 2. Phân phối chương trình GDTC theo mô hình thứ hai

Học phần	Nội dung	Thời gian (tiết)	Hình thức
1 + 2 + 3	1. Bóng chuyền	30 + 30 + 30	Sinh viên tự chọn 1 trong 16 nội dung (môn thể thao)
	2. Bóng rổ		
	3. Bóng đá		
	4. Cầu lông		
	5. Bóng bàn		
	6. Bóng ném		
	7. Tenist		
	8. Đá cầu		
	9. Thể dục nhịp điệu		
	10. Thể dục thẩm mỹ		
	11. Khiêu vũ thể thao		
	12. Karatedo		
	13. Taekwondo		
	14. Vovinam		
	15. Võ cổ truyền dân tộc		
	16. Bơi		

người Việt Nam là tiền đề để thu hút đông đảo SV theo học, phù hợp với nhu cầu, trình độ thể lực và mục tiêu đào tạo nâng cao năng lực của SV. Đồng thời, việc thực hiện mô hình GDTC theo nhu cầu còn là động lực để hoàn thiện các chế tài, giải pháp tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu người học theo định hướng tự chủ của nhà trường.

2. Đánh giá hiệu quả mô hình GDTC theo nhu cầu người học

Kết quả kiểm chứng lý thuyết các mô hình GDTC:

Để xác định hiệu quả của các mô hình GDTC, chúng tôi đã khảo sát bằng phiếu hỏi tới 130 giảng viên và nhà quản lý GDTC tại các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hà Nội

về mức độ phù hợp của các mô hình với các yếu tố có liên quan (người dạy, người học, nhà quản lý, cơ sở vật chất) đến hiệu quả GDTC. Kết quả được trình bày tại bảng 3.

Kết quả cho thấy mỗi một mô hình GDTC có những ưu điểm và hạn chế riêng, cũng như ảnh hưởng khác nhau tới các yếu tố có liên quan đến hiệu quả GDTC. Cụ thể, ở tiêu chí sự phù hợp với người người học, mô hình hai có ưu điểm vượt trội (81.5% cho rằng rất phù hợp) so mô hình thứ nhất (7.7%). Ngược lại, ở tiêu chí sự phù hợp với người dạy, mô hình thứ hai có hạn chế hơn nhiều (chỉ 15.4% cho rằng rất phù hợp) so với mô hình thứ nhất (56.9%). Về sự phù hợp với nhà quản lý thì mô hình thứ nhất (63.1% rất phù hợp) tương đương với mô hình thứ hai

Bảng 3. Kết quả khảo sát mức độ phù hợp của chương trình GDTC (n=130)

TT	Yếu tố liên quan và mức độ đánh giá		Mô hình 1		Mô hình 2	
			m _i	%	m _i	%
1	Phù hợp với người học	Rất phù hợp	10	7.70	106	81.50
		Phù hợp	52	40.00	32	24.60
		Không phù hợp	68	52.30	12	9.20
2	Phù hợp với người dạy	Rất phù hợp	74	56.90	20	15.40
		Phù hợp	42	32.30	38	29.20
		Không phù hợp	14	10.80	72	55.40
3	Phù hợp với nhà quản lý	Rất phù hợp	82	63.10	84	64.60
		Phù hợp	48	36.90	46	35.40
		Không phù hợp	0	0.00	0	0.00
4	Phù hợp với cơ sở vật chất	Rất phù hợp	43	66.20	5	7.70
		Phù hợp	22	33.80	8	12.30
		Không phù hợp	0	0.00	52	80.00

(64.6%). Ở tiêu chí mức độ phù hợp với cơ sở vật chất, mô hình thứ hai có ưu điểm hơn (66.2% cho rằng rất phù hợp) so mô hình thứ nhất (7.7%).

Đồng thời, khi phỏng vấn trực tiếp chúng tôi cũng được những kết quả tương tự và những lý giải cụ thể như sau: Các giảng viên và nhà quản lý GDTC cho rằng, sở dĩ mô hình thứ nhất bị đánh giá thấp về sự phù hợp với người học bởi nó chính là bản sao của mô hình cũ (trước năm 2015), vốn đã tỏ ra lạc hậu, với nội dung đơn điệu, không còn phù hợp với số đông người học. Tuy nhiên mô hình thứ nhất lại được đánh giá là có ưu điểm về sự phù hợp với người dạy và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động GDTC bởi nó không đòi hỏi người dạy, nhà quản lý và cơ sở vật chất phải có sự đầu tư lớn mà vẫn có thể đáp ứng được yêu cầu của chương trình.

Mô hình thứ hai được đánh giá cao về sự phù hợp với người học vì nó tạo cơ hội cho người học phát huy được sở thích, sở trường thông qua việc lựa chọn môn thể thao yêu thích để tập luyện. Với việc được đào tạo chuyên và sâu, hiệu quả lâu dài là phát huy tối đa năng lực người học của mô hình, bên cạnh đó còn là việc hình thành thói quen và nhu cầu luyện tập thường xuyên, suốt đời bằng hoạt động ngoại khóa trong và sau khi kết thúc chương trình GDTC. Đồng thời mô hình này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý bởi sự học tập theo nhu cầu sẽ thu hút được nhiều người học, nâng cao chất lượng đào tạo và quảng bá được thương hiệu nhà trường. Tuy nhiên, khi đánh giá về sự phù hợp với người dạy và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động GDTC thì mô hình hai này lại rất hạn chế bởi đòi hỏi phải có giảng viên được đào tạo chuyên sâu và cơ sở vật chất đặc thù mới có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người học.

Kết quả kiểm chứng thực tiễn các mô hình GDTC:

Sau quá trình triển khai, mô hình GDTC theo nhu cầu luôn nhận được sự hưởng ứng của đông đảo SV khi đăng ký tín chỉ. Từ năm 2018 đến năm 2021 luôn có 80–90 % SV lựa chọn chương trình GDTC theo nhu cầu.

Để có cơ sở đánh giá, hoàn thiện chương trình GDTC cho sinh viên không chuyên tại

Trường ĐHTĐHN, chúng tôi đã đánh giá hiệu quả chương trình thông qua việc so sánh trình độ thể lực chung (theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008) và kết quả học tập môn GDTC của 250 SV học chương trình GDTC theo mô hình thứ nhất và 250 sinh viên theo học mô hình thứ hai trước và sau thực nghiệm.

Kết quả cho thấy: Trước thực nghiệm trình độ thể lực chung của 2 nhóm SV là tương đương nhau, thể hiện ở kết quả kiểm tra không có sự khác biệt với $P > 0.05$.

Kết quả kiểm tra và so sánh trình độ thể lực chung của 2 nhóm SV thời điểm sau kết thúc thực nghiệm được trình bày ở bảng 4.

Kết quả bảng 4 cho thấy, sau thực nghiệm, cả 4 nội dung thể lực chung của nhóm SV học GDTC theo mô hình thứ hai đều tốt hơn nhóm SV học theo mô hình thứ nhất với t -tính $>$ bảng với ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Có được kết quả này là do nhu cầu của mỗi SV đã được đáp ứng, SV có động lực, chủ động và tích cực tập luyện cùng với sự tổ chức tập luyện đa dạng, theo hướng chú trọng các phẩm chất chuyên môn và phát huy năng lực người học.

Điều này cũng được khẳng định rõ hơn khi xếp loại thể lực của SV sau khi kết thúc chương trình GDTC (bảng 5). Tỷ lệ xếp loại thể lực chung “Tốt” của nhóm SV học theo mô hình thứ hai là 10.4% cao gần gấp đôi nhóm SV học GDTC theo mô hình thứ nhất (5.4%).

Trên cơ sở thực hiện chương trình GDTC theo lịch trình chung, nội dung, hình thức tuân thủ đúng đề cương chi tiết các học phần GDTC cho SV không chuyên đã được biên soạn, phê duyệt và triển khai, đề tài so sánh kết quả điểm thi kết thúc học phần GDTC của nhóm SV học GDTC theo mô hình thứ nhất và nhóm SV học GDTC theo mô hình thứ hai. Kết quả được trình bày ở bảng 6.

Kết quả cho thấy, ở cả 4 tiêu chí đánh giá mức độ đạt được của chuẩn đầu ra học phần, nhóm SV học theo mô hình thứ hai đều tốt hơn ở nhóm SV học theo mô hình thứ nhất với t -tính $>$ bảng với ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Điều này có thể được lý giải bởi sự phù hợp của mô hình đã nâng cao chất lượng và hiệu quả GDTC cho SV không chuyên của trường.

Bảng 4. Kết quả kiểm tra và so sánh trình độ thể lực của 2 nhóm sau thực nghiệm

TT	Nội dung	Mô hình 1		Mô hình 2		Độ tin cậy	
		\bar{x}	$\pm\delta$	\bar{x}	$\pm\delta$	t	p
Nam		n = 92		n = 96			
1	Chạy 30m XPC (s)	5.51	0.5	5.33	0.48	2.53	> 0.05
2	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.19	0.98	11.86	0.95	2.35	> 0.05
3	Bật xa tại chỗ (cm)	219.21	14.78	223,96	12.47	2.38	> 0.05
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	986.95	67.56	1020.43	64.42	3,47	> 0.05
Nữ		n = 158		n = 154			
1	Chạy 30m XPC (s)	6.59	0.55	6.43	0.51	2.67	> 0.05
2	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.85	0.92	12.62	0.89	2.25	> 0.05
3	Bật xa tại chỗ (cm)	157.95	10.26	160.58	10.17	2.28	> 0.05
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	892.82	59.56	909.87	58.96	2.54	> 0.05

Bảng 5. Kết quả xếp loại thể lực của sinh viên sau khi thực hiện chương trình GDTC

Nhóm	Giới tính	Tốt		Đạt		Không đạt	
		m_i	%	m_i	%	m_i	%
Mô hình 1	Nam (n=96)	10	10.40	76	79.20	10	10.40
	Nữ (n=154)	20	12.90	120	77.90	14	9,2
Mô hình 2	Nam (n=92)	5	5.40	70	76.10	17	18.50
	Nữ (n=158)	13	8.20	119	75.30	26	16.50

Bảng 6. Kết quả học tập (điểm) của sinh viên sau khi thực hiện chương trình GDTC

TT	Nội dung kiểm tra	Mô hình 1 (n=250)		Mô hình 2 (n=250)		t	P
		\bar{x}	δ	\bar{x}	δ		
1	Kiến thức	6.24	0.58	6.06	0.52	3.65	<0.05
2	Kỹ năng	5.87	0.52	6.34	0.59	9.46	<0.05
3	Thái độ	7.96	0.67	8.45	0.71	8.03	<0.05
4	Kết quả chung	6.17	0.56	6.57	0.54	8.14	<0.05

KẾT LUẬN

Đề tài đã phân tích được thực trạng một số yếu tố đảm bảo và đặc điểm 02 mô hình GDTC không chuyên tại Trường ĐHTĐHN, qua đó đã chỉ rõ sự khác biệt và những điểm ưu việt về nội dung và hình thức tổ chức đào tạo của mô hình GDTC theo nhu cầu.

Chúng tôi đã đánh giá được hiệu quả mô hình GDTC theo nhu cầu người học tại Trường ĐHTĐHN trên cơ sở kết quả kiểm chứng lý thuyết về mức độ phù hợp của mô hình với các yếu tố có liên quan (người dạy, người học, nhà quản lý, cơ sở vật chất) đến hiệu quả GDTC, cũng như kết quả kiểm tra, so sánh trình độ thể lực chung và kết quả học tập môn GDTC giữa 2 nhóm SV theo học 2 mô hình GDTC không chuyên. Sự khác biệt và vượt trội của hầu hết các kết quả kiểm tra ở nhóm SV học theo mô hình GDTC theo nhu cầu so với nhóm SV học theo mô hình thứ nhất đã minh chứng tính ưu việt của mô hình được xây dựng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên*, Quyết định số 53/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Quy định về chương trình môn học GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học*, Thông tư số 25/2015/TT-BGD&ĐT ngày 25 tháng 10 năm 2015.
4. Thủ Tướng Chính phủ (2012), *Chương trình GDTC và hoạt động TDTT trong nhà trường*, Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2015.
5. Trường ĐHTĐHN (2013), *Hướng dẫn điều chỉnh mục tiêu đào tạo, và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 40*, Công văn số 2098/ĐHTĐHN ngày 8 tháng 11 năm 2013.

(Bài nộp ngày 26/12/2022, phản biện ngày 27/2/2023, duyệt in ngày 20/4/2023)

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO**4. Trương Quốc Uyên**

Cuộc vận động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại góp phần tích cực nâng cao chất lượng dân số Việt Nam

6. Trương Anh Tuấn

Một số suy nghĩ về đào tạo nguồn nhân lực thể dục thể thao

11. Nhật Minh

Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh tập trung nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030

BÀI BÁO KHOA HỌC**13. Nguyễn Văn Phúc**

Thực trạng rủi ro pháp lý trong hoạt động Thể dục thể thao ở Việt Nam

19. Bùi Việt Hà

Kinh nghiệm huy động nguồn tài chính của các câu lạc bộ Bóng đá chuyên nghiệp trên thế giới và bài học đối với Bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam

23. Nguyễn Bá Hòa

Lựa chọn giải pháp ứng dụng thể dục thể thao thích ứng cho người khuyết tật ở thành phố Hà Nội

26. Đào Thị Phương Chi

Hiệu quả mô hình giáo dục thể chất theo nhu cầu người học tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

31. Trần Văn Tùng

Thực trạng công tác thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

37. Bounnuang Kamphengthong

Thực trạng nhu cầu, động cơ, lý do không tích cực tham gia các hoạt động thể thao của học sinh trung học phổ thông ở Thủ đô Viêng Chăn - Lào

41. Ngô Mạnh Cường

Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy và học môn Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên

46. Nguyễn Hải Tùng

Đánh giá thực trạng thể lực chung của nam sinh viên Trường Đại học luật Hà Nội

49. Hoàng Sỹ Trung

Thực trạng mức độ hứng thú học tập các học phần kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Hồng Đức

52. Mai Thị Bích Ngọc; Nguyễn Thị Thu Hiền; Lê Đức Anh

Xác định tiêu chí đánh giá kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

57. Phạm Thế Vượng; Nguyễn Tất Tuấn

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng dạy học trực tuyến cho sinh viên chuyên ngành Bóng chuyền, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

63. Nguyễn Thị Hà; Đào Thị Hoa Quỳnh

Thực trạng động cơ học tập Thể dục thể thao của sinh viên Đại học Thái Nguyên

66. Nguyễn Thị Thảo Mai, Nguyễn Đình Chung

Thực trạng huấn luyện sức mạnh tốc độ cho nam vận động viên Cầu lông lứa tuổi 14-15 tỉnh Bắc Giang

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT**70. Trần Đức Thọ**

Thể thao người khuyết tật Việt Nam tích cực chuẩn bị tham dự Asean Para Games 12 và Asian Para Games 4

72. Vũ Trọng Lợi

Tiếp tục phát triển Yoga Việt Nam

77. Phạm Tuấn Dũng; Phạm Việt Hà

Bài tập nâng cao thể lực với tạ tay

80. Thẻ lệ viết và gửi bài.

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

The movement of the whole people to exercise their bodies following the example of the great Uncle Ho contributed positively to improving the quality of Vietnam's population

6. Truong Anh Tuan

Some thoughts on human resource training in sport

11. Nhat Minh

Bac Ninh Sports University focuses on improving the capacity of lecturers and managers to meet the requirements of fundamental and comprehensive renovation of education and training in the period of 2019 - 2030

ARTICLES

13. Nguyen Van Phuc

Current status of legal risks in sport activities in Vietnam

19. Bui Viet Ha

Experience in mobilizing financial resources of professional football clubs in the world and lessons for Vietnamese professional football

23. Nguyen Ba Hoa

Selection of adaptive sports application solutions for people with disabilities in Hanoi City

26. Dao Thi Phuong Chi

Effectiveness of the model of physical education according to the needs of learners at Hanoi Capital University

31. Tran Van Tung

Actual situation of extracurricular sports activities of students at Hanoi Capital University

37. Bounnuang Kamphengthong

Current status of needs, motivations and reasons for participating in sports practice of high school students in Vientiane Capital - Laos

41. Ngo Manh Cuong

Measures to improve the effectiveness of teaching and learning Physical Education for students University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

46. Nguyen Hai Tung

Assessment of the general physical condition of male students at Hanoi Law University

49. Hoang Sy Trung

Current status of interest in learning complementary knowledge modules in the training program of students majoring in Physical Education, Hong Duc University

52. Mai Thi Bich Ngoc; Nguyen Thi Thu Hien; Le Duc Anh

Determination of soft skills assessment criteria for students of Bac Ninh University of Physical Education and Sports

57. Pham The Vuong; Nguyen Tat Tuan

Actual situation of factors affecting the quality of online teaching for students majoring in Volleyball, Bac Ninh Sports University

63. Nguyen Thi Ha; Dao Thi Hoa Quynh

Current status of students' motivation to study physical education at Thai Nguyen University

66. Nguyen Thi Thao Mai, Nguyen Dinh Chung

Current status of speed strength training for male Badminton players aged 14-15 in Bac Giang province

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

70. Tran Duc Tho

Sports for people with disabilities in Vietnam actively prepares to participate in Asean Para Games 12 and Asian Para Games 4

72. Vu Trong Loi

Continue to develop Vietnamese Yoga

77. Pham Tuan Dung; Pham Viet Ha

Strength training with dumbbells

80. Rules of writing and posting.



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859-4417

Số 2 -2023
(75)

